

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HS-ST
Ngày: 23-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;
2. Ông Nguyễn Tấn Rõn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Minh T - Sinh ngày 21-10-1997, tại H, Long An; Nơi cư trú: ấp 5, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn L và bà Đinh Thị Ngọc C; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Bị xử phạt 750.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 30/QĐ-XPVPHC ngày 12-10-2017 của Công an xã MTB về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, đã thi hành xong theo Biên lai thu tiền số 0024623 ngày 04-11-2017 của Công an xã MTB; Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05-10-2018 cho đến nay. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị NQ - Sinh ngày 28-4-1994 - Nơi cư trú: ấp 5, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8-2018, Nguyễn Văn M.E (bạn học của Trần Minh T) nhờ T chạy xe đá (xe gian) thay cho M.E, T đồng ý. T hỏi quá trình chạy xe và tiền công vận chuyển. M.E cho số điện thoại 01266.xxx.109 của người thuê ở AS - Thành phố Hồ Chí Minh, không nói tên, chỉ nói liên lạc sẽ có xe chạy. T liên lạc và được một thanh niên thỏa thuận trả tiền công mỗi chuyến là 400.000 đồng, khi có xe sẽ liên lạc, T đồng ý.

Khoảng 04 giờ 30 phút, ngày 20-9-2018, T điện thoại nhờ Nguyễn Văn Đ chở đến bến xe HN. T đi xe buýt đến bến xe AS. Đến nơi, T điện thoại cho người thanh niên thuê chạy xe. Người này bảo T liên lạc số điện thoại 01652.xxx.141, người tên M sẽ dẫn T đi nhận xe. Sau khi liên lạc, M đến chở T đến bãi xe cách Bến xe AS khoảng 200 mét, M đưa thẻ giữ xe và 400.000 đồng tiền công vận chuyển, bảo T vào bãi lấy xe mô tô loại Winner màu đen, biển số 93E1-xxx.03, chìa khóa cắm sẵn trong ổ khóa. T nhận xe điều khiển về huyện H, đến ngã ba OT, thuộc xã MTB, phát hiện lực lượng Công an, T điều khiển xe ngược về hướng cầu KT, đến đoạn giao nhau giữa đường 838 với đường T19 thuộc ấp 5, xã MTB thì bị bắt quả tang cùng tang vật.

Qua điều tra, T khai nhận cùng phương thức, thủ đoạn, tiền công và người thuê trên, từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 9 năm 2018, T vận chuyển trót lọt 05 xe, đều giao ở cầu BV cho một thanh niên không quen biết. Tổng số tiền công T đã nhận là 1.200.000 đồng.

Tang vật tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 93E1-xxx.03, đã qua sử dụng, ổ khoá bị phá hỏng; 05 chìa khóa đã bị mài dũa và có dính băng keo ở đầu; 01 điện thoại di động Nokia màu xám-xanh, số sim: 0128.xxxx252 và 400.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 78/KL-TCKH ngày 20-9-2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H xác định xe mô tô biển số 93E1-xxx.03 giá trị 38.000.000 đồng.

Cáo trạng số 57/CT-VKS-ĐH ngày 06-11-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Trần Minh T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 32 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt tiền đối với bị cáo T từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Văn Đ, chở T đến bến xe HN, không biết và không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội, nên không đề cập.

- Đối với: Nguyễn Văn M.E đã bỏ địa phương đi, không xác định được chỗ ở, không làm việc được; Người giao xe, người nhận xe do bị cáo T khai ra, không xác định được nhân thân, lai lịch, nơi ở, không mời làm việc được;

Những lần vận chuyển xe khác do bị cáo T khai nhận, không xác định được bị hại, không thu được vật chứng; Ngoài lời khai của bị cáo T, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác làm căn cứ để thẩm tra, xác minh, nên không đề cập. Nhằm tránh bỏ lọt tội phạm, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau theo quy định của pháp luật.

- Về vật chứng:

+ Xe mô tô biển số 93E1-xxx.03, đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn TA theo Quyết định xử lý vật chứng số 41, ngày 18-10-2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công An huyện H, nên không đề cập.

+ Điện thoại di động Nokia 1202 màu xám-xanh, dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội; 400.000 đồng tạm giữ và 800.000 đồng bị cáo T tự nguyện nộp, là tiền thu lợi bất chính, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước;

+ Sim điện thoại số 0128.xxxx252, bị cáo mượn sử dụng để gia đình liên lạc, gia đình không biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị trả lại cho chủ sở hữu là bà NQ.

+ 05 chìa khóa đã bị mài dũa, có dính băng keo ở đầu chìa, là công cụ thực hiện tội phạm, không có giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố, bị cáo ăn năn hối cải, cam kết không tiếp tục vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt; Số tiền công bị cáo đã nhận là 1.200.000 đồng, trong đó, bị tạm giữ khi bị bắt quả tang 400.000 đồng, bị cáo đã tự nguyện nộp thêm 800.000 đồng; Sim điện thoại số 0128.xxxx252 chỉ ruột của bị cáo là bà NQ cho mượn sử dụng để gia đình liên lạc, không ai biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, xin trả lại cho bà NQ.

Bà Trần Thị NQ trình bày: Sim điện thoại số 0128.xxxx252 là của bà, bị cáo mượn sử dụng để gia đình liên lạc, gia đình và bà không biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, bà xin nhận lại sim.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 09 giờ 45 phút, ngày 20-9-2018, Trần Minh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu đen, biển số 93E1-xxx.03, do người khác phạm tội mà có, từ ngã tư AS, Thành phố Hồ Chí Minh về xã MQT, huyện H, tỉnh Long An tiêu thụ, trên đường vận chuyển đến địa phận ấp 5 xã MTB, huyện H thì bị lực lượng Công an huyện H kiểm tra, bắt quả tang; Giá trị xe được xác định là 38.000.000 đồng.

[2] Các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Cơ quan cảnh sát điều tra, Quyết định phê chuẩn khởi tố bị can và Cáo trạng truy tố bị cáo của Viện kiểm sát đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hành vi tố tụng

của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp khách quan với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập lúc 09 giờ 45 phút ngày 20-9-2018, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Bị cáo T đủ lý trí và năng lực để nhận thức được hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý; Đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo T phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Cáo trạng số 57/CT-VKS-ĐH ngày 06-11-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo T với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[6] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, gây trở ngại cho công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, tạo điều kiện khuyến khích cho những người khác đi vào con đường phạm tội, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo T cần được xử lý nghiêm. Xét bị cáo T có nhân thân, lý lịch, nơi cư trú rõ ràng, động cơ phạm tội do ham lợi, không cần xử phạt tù mà xử phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[7] Khi lượng hình cần xem xét: Bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo T là có căn cứ pháp luật.

[9] Về vật chứng, căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xét thấy:

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu Đen, biển số 93E1-xxx.03, số máy KC26B1183057, số khung 2607GY336873, đã qua sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Huệ đã trả lại cho ông Nguyễn TA theo Quyết định xử lý vật chứng số 41, ngày 18-10-2018 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 19-10-2018 là phù hợp, không tiếp tục đề cập;

- Điện thoại di động hiệu Nokia 1202, màu xám-xanh, đã qua sử dụng, bị cáo T sử dụng làm phương tiện liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội, tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp;

- Sim điện thoại số 0128.xxxx252, bị cáo T mượn sử dụng để gia đình tiện liên lạc, chủ sở hữu là bà Trần Thị NQ và gia đình không biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, trả lại cho bà NQ là phù hợp;

- 1.200.000 đồng (400.000 đồng tạm giữ của bị cáo T khi bắt quả tang và 800.000 đồng bị cáo T tự nguyện nộp) là tiền thu lợi do hành vi phạm tội, tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp;

- 05 chìa khóa đã bị mài dũa và có dính băng keo ở đầu chìa, bị cáo T gắn nguy trang vào ổ khóa xe, là công cụ thực hiện tội phạm, không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Vật chứng còn tạm giữ do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 39/QĐ-VKS ngày 01-11-2018, Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và Biên lai thu tiền số 01396, cùng ngày 08-11-2018.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn TA đã nhận lại xe mô tô biển số 93E1-xxx.03, không có yêu cầu gì nên không đề cập và không tiếp tục đưa ông Anh tham gia tố tụng là phù hợp; Bà Trần Thị NQ yêu cầu nhận lại sim điện thoại số 0128.xxxx252. Xét bị cáo T mượn sim sử dụng, bà NQ và gia đình không biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, trả lại sim cho bà NQ là phù hợp.

[11] Nguyễn Văn Đ chở bị cáo T đến bến xe HN, không biết việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không đề cập là phù hợp.

[12] Đối với: Nguyễn Văn M.E đã bỏ địa phương đi, không xác định được chỗ ở, không làm việc được; Người giao xe, người nhận xe do bị cáo T khai ra, không xác định được nhân thân, lai lịch, nơi ở, không mời làm việc được; Những lần vận chuyển xe khác do bị cáo T khai nhận, không xác định được bị hại, không thu được vật chứng; Ngoài lời khai của bị cáo T, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác làm căn cứ để thẩm tra, xác minh, nên không đề cập trong vụ án này là phù hợp. Nhằm tránh bỏ lọt tội phạm, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau theo qui định của pháp luật.

[13] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 32, Điều 35, các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Các Điều 106, 135, 136, 299 và 326 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

3. Xử phạt tiền đối với bị cáo Trần Minh T 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

4. Về vật chứng:

4.1. Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 1202 màu xám-xanh, đã qua sử dụng; 1.200.000 đồng (một triệu, hai trăm nghìn đồng), trong đó gồm 400.000 đồng tạm giữ khi bắt người phạm tội quả tang và 800.000 đồng bị cáo T tự nguyện nộp.

4.2. Trả lại cho bà Trần Thị NQ sim điện thoại số 0128.xxxx252.

4.3. Tịch thu tiêu hủy 05 (năm) chìa khóa đã bị mài dũa và có dính băng keo ở đầu.

Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 39/QĐ-VKS-ĐH ngày 01-11-2018, Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và Biên lai thu tiền số 01396 cùng ngày 08-11-2018.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Minh T nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (Ngày 05-11-2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H ;
- Chi cục THADS huyện H ;
- Công an huyện H ;
- Bị cáo; Liên quan;
- UBND xã MTB;
- Hồ sơ THA.HS;
- Lưu: Hồ sơ, án văn;

Nguyễn Hùng Vương